

DẤU ẤN CHÚA NGUYỄN HOÀNG TRÊN VÙNG ĐẤT PHÚ YÊN

NGUYỄN VĂN GIÁC*

1. Công trạng chúa Nguyễn Hoàng trong lịch sử dân tộc

Những ghi nhận trong biên niên sử triều Hậu Lê

Vừa thuộc dòng dõi đại công thần khai quốc Nguyễn Kim vừa đương thời là công thần khai quốc triều Lê Trung Hưng, Nguyễn Hoàng được sử sách nhà Hậu Lê ghi chép về tên tuổi và hành tích một cách đầy ngưỡng vọng. Bất kể xuất phát từ động cơ sâu xa nào (1), qua lời tâu của Thái sư Trịnh Kiểm trước vua Lê Anh Tông năm Mậu Ngọ (1558) tại tổng hành dinh Tây Kinh (Thanh Hóa) khi bàn về kế sách chống quân nhà Mạc, Đoan Quận công Nguyễn Hoàng đã được ngòi bút cụ thể trào của sử thần Lê Quý Đôn nhấn mạnh trọng trách: “Hạ thần xét thấy con trai thứ của Chiêu Huân Tĩnh công là Nguyễn Hoàng, là một người trầm tĩnh cương nghị, lại có mưu lược, đối với quân sĩ có độ lượng khoan dung giản dị. Vậy xin bổ ông làm trấn thủ, để trị an nơi biên thùy và chống giặc ở miền Bắc kéo vào; và lại cùng với Trấn Quận công ở xứ Quảng Nam, cùng làm thế cứu viện lẫn nhau. Hết thấy các việc to nhỏ ở địa phương ấy, xin đều để ông được tùy nghi định đoạt; lại xin ủy cho ông thu các sắc thuế, nộp về triều đình đúng kỳ hạn, để

thêm vào sự chi dùng trong nước. Như vậy, thì một vùng Ô Châu, khỏi phải để ý lo tới, hạ thần sẽ khỏi phải phân tâm, mà chỉ dốc hết ý chí về việc Đông chinh... Nghiệp trung hưng sẽ có thể sớm thành công” (2). Đó là xứ Thuận Hóa mà vị tổng trấn Đoan Quận công lập tức lên đường thực thi bản mệnh. Kết quả tình hình đem lại không ngoài khả năng tín nhiệm lúc đầu, rằng “Vua Lê Anh Tông thi hành theo ý kiến này, từ đấy Mạc Phúc Nguyên không dám dòm ngó tới hai xứ Thuận, Quảng” (3).

Nhiều năm về sau, khi đã kiêm quản trấn Quảng Nam, Sử quan triều đình Hậu Lê tiếp tục ghi nhận về thành tích của viên quận công họ Nguyễn: “Hoàng võ trị mấy chục năm, chính lệnh khoan hòa, thường ban ân huệ, dùng phép công bằng, chấn chỉnh, khuyên răn tướng sĩ bản bộ. Cấm chỉ, trừ bỏ bọn hung ác, dân hai trấn đều cảm mến nhân đức, thay đổi phong tục, chợ búa không nói thách, dân chúng không làm giặc, cổng ngoài không phải đóng, thuyền buôn nước ngoài đều tới buôn bán trao đổi phải giá, quân lệnh nghiêm cẩn, người người gắng sức. Do vậy, họ Mạc không dám dòm ngó, trong cõi được an cư lạc nghiệp” (4). Điều đáng kể hơn, không chỉ giữ yên hai trấn dưới quyền, Nguyễn Hoàng còn

* TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Thủ Dầu Một

thu nạp thuế khóa đem giúp quân dân chính quyền kháng chiến Tây Kinh đang trong lúc giằng co với quân đội nhà Mạc trên khắp mặt trận. Nhờ vậy, đến mùa thu năm Nhâm Thìn (1592), quan quân Lê - Trịnh đã đánh đuổi Mạc quân lên tận biên giới phía Bắc, thu phục Đông Đô. Năm sau Quý Tỵ (1593), Nguyễn Hoàng lại đem kho tàng và lực lượng theo giúp Lê - Trịnh, được triều đình phong tước Doan Quốc công, phối hợp truy kích tàn quân Mạc trên vùng biển Đông Bắc ròng rã 8 năm liền, đến đầu năm Canh Tý (1600) mới quay về miền Thuận Quảng, sau khi nhận ra sự lộng quyền của họ Trịnh đối với vua Lê cùng thái độ trở mặt của Lê - Trịnh nói chung đối với công lao mà ông xứng đáng nhận được sự ban thưởng đúng mức.

Sử thần Lê Quý Đôn nhận định về sự kiện này rằng: “Doan quốc công thấy mình công danh ngày càng lớn mà không từng được thưởng thêm...” (5), nhân các phản tướng nhà Mạc đem thủy quân làm phản, “Nguyễn Hoàng giả thác là xin quân đuổi đánh, phóng hỏa đốt hết doanh trại rồi xuống thuyền trốn về Quảng Nam. Trong nước chia lìa, lòng người rối loạn...” (6); trong khi đó vị chúa đang thao túng triều đình Đông Đô Trịnh Tùng tỏ ra cực kỳ nuối tiếc vì đã khinh suất bỏ sẩy một đối thủ cực kỳ nguy hiểm: “Doan quốc công trấn thủ Thuận Quảng hơn 30 năm, vốn được lòng quân dân, nay trốn về trấn cũ, như cá về biển cả, chim về rừng sâu, không thể không chế được nữa” (7). Rõ ràng, hành động thoát chế của Nguyễn Hoàng có nguyên nhân sâu xa từ mưu toan khống chế nhằm thâm tóm vương quyền của kẻ kế thừa họ Trịnh.

Những ghi nhận trong quốc sử triều Nguyễn

Cùng một sự kiện được Thái sư Trịnh Kiểm dâng biểu lên vua Lê Anh Tông xin cho Nguyễn Hoàng vào trấn giữ Thuận

Hóa vào năm Mậu Ngọ (1558), Quốc Sử quán triều Nguyễn thời hoàng đế Thiệu Trị chép: “Thuận Hóa là nơi quan trọng, quân và của do đấy mà ra, buổi quốc sơ nhờ đấy mà nên nghiệp lớn. Nay lòng dân hãy còn giáo giở [tráo trở], nhiều kẻ vượt biển đi theo họ Mạc, sợ có kẻ dẫn giặc về cướp, vì không được tướng tài trấn thủ võ yên thì không thể xong. Doan Quận công là con nhà tướng, có tài trí mưu lược, có thể sai đi trấn ở đấy, để cùng với tướng trấn thủ Quảng Nam cùng nhau giúp sức thì mới đỡ lo đến miền Nam. Vua Lê nghe theo và trao cho chúa trấn tiết [cờ hiệu trấn thủ], phạm mọi việc đều ủy thác cả, chỉ mỗi năm nộp thuế mà thôi” (8). Nguyễn Hoàng qua lời tấu tiến cử của viên Thái sư họ Trịnh tuy không có nhiều phẩm chất đặc biệt ngoài mưu lược làm tướng, song chính sách trị dân về sau lại tỏ ra hiệu quả đặc sắc rằng “Chúa võ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng, được dân mến phục, bấy giờ thường xưng là chúa Tiên. Nghiệp đế dựng nên, thực là xây nền từ đấy” (9).

Trong một tình huống khác, Nguyễn Hoàng được đem ra đối sánh với viên trấn thủ Nghệ An về những biện pháp phản công quân Mạc, như là sự lựa chọn đúng đắn khi triều đình giao cho ông quyền kiêm quản trấn Quảng Nam thế chỗ Nguyễn Bá Quynh vào đầu năm Canh Ngọ (1570): “Bấy giờ Mạc Mậu Hợp sai tướng là bọn Kính Điển đem quân xâm lấn Thanh Nghệ. Tướng trấn thủ Nghệ An Nguyễn Bá Quynh nghe tin trốn chạy, thế giặc hung tợn, lòng dân xao xuyến. Chúa vốn có uy danh, nhiều mưu lược, kỷ luật rõ ràng, phòng giữ nghiêm ngặt, do đó quân giặc không dám phạm vào bờ cõi, nên riêng hai xứ Thuận Quảng được yên ổn” (10).

Cũng vào lúc cao trào của những thành công trong chính sách cai trị nhân dân vùng Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng được

bộ quốc sử nổi tiếng của triều Nguyễn biên soạn bởi sự chỉ đạo trực tiếp của hoàng đế Tự Đức tổng kết như sau: “Bấy giờ Thái Tổ Gia Du ta cai trị trong trấn mười năm, chính sự thì khoan hòa, quân lệnh thì nghiêm túc. Dân vùng Thuận Hóa và Quảng Nam đều được thấm nhuần ân đức và tấm gọi giáo hóa. Dân buôn thì lạc nghiệp, chợ búa không bán hai giá, trong xứ không có trộm cướp. Nhiều người các nước đều sum vầy làm ăn. Trong trấn ngày một đông đúc thịnh vượng” (11).

Một loạt chiến công tiêu trừ quân Mạc trên đất Bắc được Quốc Sử quán triều Nguyễn mô tả tường tận đã làm nổi bật vai trò của Nguyễn Hoàng trước sự bất lực của quan binh Lê - Trịnh. Đây là một trận điển hình tại Sơn Nam mà “Bọn Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên đi đánh dẹp, hàng hơn tháng không hạ được... Thái Tổ Gia Du hoàng đế ta kéo quân đến, sai dùng hỏa khí và hỏa pháo bắn, đánh, cả phá được lũy đất của giặc. Quân giặc sợ hãi tan vỡ” (12).

Sự kiện kịch tính đi đến chỗ phân rã quyền lực của triều đình Lê Trung Hưng được lý giải thống nhất trên quan điểm của Quốc Sử quán triều Nguyễn: “Bấy giờ Chúa đã ở Đông Đô 8 năm, đánh dẹp bốn phương đều thắng, vì có công to, nên họ Trịnh ghét” (13). Lợi dụng tình hình rối loạn trong hàng ngũ Lê - Trịnh, Nguyễn Hoàng dẫn thủy quân vượt biển trở về Nam.

Từ đây, Nguyễn Hoàng quyết định ly khai với chính quyền trung ương phía Bắc, tích lực mở rộng miền Thuận Quảng trở thành vương quốc Đàng Trong như lịch sử định đặt sau này.

Như vậy, căn cứ vào những những lời bàn luận trên đây, mặc dù là một nhân vật chủ trương ly khai nhằm thoát vòng kiểm tỏa của bộ máy quyền lực trung ương do tập đoàn Lê - Trịnh cầm đầu, song Nguyễn

Hoàng vẫn được sử quan chính thống triều Hậu Lê đánh giá cao những phẩm chất và năng lực với tính cách một nhà cai trị lớn trong lịch sử vương quyền Đại Việt. Quan điểm của Quốc Sử quán triều Nguyễn đương nhiên tán đồng với hầu hết ý kiến đề cao vị Thái tổ khai sinh các triều đại họ Nguyễn kế tiếp nhau này, trừ một vài sự kiện vô tình làm giảm niềm tự hào về quốc thể quốc tộc, chẳng hạn như hai lần vào các năm Bình Thân (1596) và Đinh Dậu (1597), Nguyễn Hoàng phải dẫn tinh binh hộ tống vua Lê lên tận biên giới Việt - Trung thương thuyết với quan tướng nhà Minh nối lại cuộc bang giao mà chắc hẳn họ Nguyễn rất không bằng lòng trước thái độ phách lối, ngạo mạn từ phía thiên triều. Dù rằng thuộc quan Lê - Trịnh nhiều lần đề xuất việc đem quân trừng phạt Thuận Quảng để nhất thống chế độ, cái chết của Nguyễn Hoàng vào năm Quý Sửu (1613) càng làm cho uy danh của ông thêm xác tín và sự nghiệp của họ Nguyễn vững bền, như nhận định của Quốc Sử nhà Lê: “Nguyễn Hoàng kiêm trấn phủ hai xứ Thuận Quảng, Hữu tướng thái úy, Chương phủ sự, tước Đoan Quốc công mất. Hoàng là người đa trí, có uy vọng, cai trị khoan mà nghiêm, được lòng quân dân... Sai con ông là Thụy Quận công Phúc Nguyên nối nghiệp làm trấn phủ, gia cho hàm thái bảo...” (14). Trước khi xung đột Bắc - Nam thực sự xảy ra dưới thời chúa thừa nhiệm Nguyễn Phúc Nguyên dựa trên cái lý của kẻ mạnh phát xuất từ triều đình Lê - Trịnh, Nguyễn Hoàng đã không phải gánh chịu một cuộc chinh phạt nào. Nói cách khác, chúa Tiên Nguyễn Hoàng đã thành công ngoạn mục trong vai trò kiến thiết thể phân lập để vươn lên nắm lấy một cực vương quyền vào thời kỳ hậu trung đại Việt Nam.

2. Những quyết định mang tính bước ngoặt của chúa Nguyễn Hoàng đối với vùng đất Phú Yên

Tấn công Thành Hồ (1578)

Ngay sau khi trở thành tổng trấn Thuận Hóa kiêm quản trấn Quảng Nam năm Canh Ngọ (1570), Nguyễn Hoàng đã tìm cách khuếch trương ảnh hưởng của mình xa xuống miền biên thùy Tuy Viễn thuộc phủ Hoài Nhân, lôi kéo các thổ hào và lãnh chúa địa phương mà không ít trong số đó là người Chăm bản địa. Nhận thấy Thành Hồ của Champa trong tiểu vùng Aryaru bên kia lãnh giới là một tiền đồn công thủ lợi hại đồng thời là một hải cảng tập nập thuyền buôn (15), hội tụ không chỉ đông đúc cư dân Chăm vùng duyên hải và các sắc tộc miền thượng nguyên mà còn cả thương nhân Việt, Trung Hoa, Mã Lai, Nhật Bản và một số tàu buôn phương Tây vừa mới tham gia khai trương con đường thương mại quốc tế xuyên qua Biển Đông đầu thế kỷ XVI, ông đã đi đến quyết định táo bạo mang tầm chiến lược trong điều kiện chưa đủ nguồn binh lực để chiếm giữ và nhân lực để khai thác, phát triển tại chỗ: đột kích triệt phá và sau đó nhanh chóng rút lui.

Lấy cớ Champa thường xuyên xuất quân từ Thành Hồ lấn chiếm phủ Hoài Nhân trực thuộc Quảng Nam dinh, xâm phạm cương giới mà vị hoàng đế anh hùng Lê Thánh Tông của hoàng triều Hậu Lê cất công chinh phạt ở nửa sau của thế kỷ XV, Nguyễn Hoàng đã tâu xin thêm viện binh từ triều đình Tây Kinh để đảm bảo chắc chắn thắng lợi cho cuộc tấn công trên trận địa đối phương. Không thể do dự trước một tình thế khẩn trương quan hệ đến thể diện triều đình đang kể tục, mặt khác cũng nhằm thị uy đối với quan quân nhà Mạc, đô tướng Trường Quốc công Trịnh Tùng, người

kế tục Thái sư Trịnh Kiểm đã bàn thảo với hoàng đế Lê Thế Tông việc giúp binh cho Thuận Quảng. Có thể là viên Đô úy Lương Văn Chánh đã được triều đình cất cử dẫn thủy quân vượt biển tiến xuống miền biên viễn giáp giới với Champa vào ngay thời điểm này (16), tức năm Mậu Dần (1578). Với cương vị tổng binh, Nguyễn Hoàng nắm quyền chỉ huy tối cao, giao nhiệm vụ tiên phong và chỉ huy trực tiếp cho Đô úy Lương Văn Chánh chủ động mở cuộc tập kích quy mô vào chính ngay sào huyệt của đối thủ. “Chính [Chánh] tiến quân đến sông Đà Diễn, đánh lấy được Hồ Thành” (17). Thành Hồ được các vương triều Champa tái kiến thiết quy mô trong điều kiện có thể, như một nhận định tương đối xác đáng rằng “Từ sau năm 1471, việc xây dựng đền tháp hầu như bị ngừng hẳn để dồn sức cho việc xây dựng một thành lũy chưa từng có” (18), đã bị quân đội chiến thắng phá hủy toàn bộ các công sự chiến đấu kiên cố. Vua Po At (1553-1579) đại bại đành ra lệnh cho tàn quân Champa trong thung lũng Bà Diễn/Đà Diễn rút lui về phía Nam núi Thạch Bi, đánh dấu việc từ bỏ vĩnh viễn tiểu vùng Aryaru trong lịch sử lâu dài kể từ lúc khởi điểm của vương quốc này (19), cho dù sau đó đã đôi lần mưu toan tái chiếm nhưng đều bị đánh bật trở về ranh giới vừa mới xác lập.

Tuy vậy, trước một vùng đất tiềm ẩn nhiều mối hiểm nguy rình rập đồng thời do thiếu nguồn nhân lực tại chỗ, theo lệnh của Tổng trấn Nguyễn Hoàng, chinh tướng Lương Văn Chánh đã cho quân đội lui về án ngữ tại cao điểm Cù Mông. Với quân công lẫy lừng vừa thu nhận được, Nguyễn Hoàng hoàn toàn tin tưởng ở viên thuộc tướng tài ba, gửi thư ra Tây Đô xin triều đình vua Lê thăng cho làm quan trấn An Biên huyện Tuy Viễn, quản lý một mặt

biên cương cực kỳ quan trọng của vương quốc Đại Việt và cũng là phần lãnh thổ mà ông sẽ biến thành bàn đạp tiến xuống phía Nam với tham vọng cháy bỏng của mình.

San bằng Thành Hồ, Nguyễn Hoàng không chỉ nhờ bỏ một tiền đồn công phá lợi hại ra phía Bắc về mặt quân sự mà còn triệt phá một trung tâm thương mại mang tầm quốc tế của vương quốc biển Champa. Lợi thế giao thương từ đây nghiêng về phía Thuận Quảng với sự phục hưng của Vijaya/Nước Mạn và Faifo, Tourane; hoặc là tụ điểm buôn bán của Champa phải chuyển dịch xuống miền Nam với Kauthara và Panduranga.

Chủ trương di dân lập làng trên vùng đất mới (1597)

Phải đợi đến hai thập kỷ sau, khi nhân lực vùng Thuận Quảng đã tăng lên đáng kể và lúc này đang bị chính quyền Lê - Trịnh giam chân nhiều năm trên đất Bắc, Nguyễn Hoàng nhận thấy đã đến lúc phải khẩn trương thực thi mưu đồ phân lập vương quyền, lập tức chỉ thị cho viên trấn An Biên Lương Văn Chánh mở rộng phạm vi quản lý và khai thác đất đai xuống miền biên thổ phía Nam tuy đã chiếm cứ trên danh nghĩa nhưng chưa hành xử đầy đủ chủ quyền trong thực tế: “Dạy Phù nghĩa hầu Lương Văn Chánh... Hãy liệu đem số dân xã Bà Thê đã trực vào hạng dân và các thôn phường khách hộ theo hầu công việc, lấy riêng số dân khách hộ đến các xứ Cù Mông, Bà Đài, Bà Diễn, Đà Niểu, trên từ nguồn mọi dưới đến cửa biển, kết lập gia cư địa phận, khai khẩn ruộng đất hoang cho tới khi thành thực sẽ nạp thuế như thường lệ. Nhược bằng vì việc mà nhiều dân, điều tra ra sẽ bị xử tội” (20).

Lệnh này truyền tải một chủ trương tuyệt mật đến viên thuộc tướng cẩn tín tận biên thùy phía Nam xa xôi, do đó để tránh

khỏi bị triều đình Lê - Trịnh nghi ngờ, trước đó Nguyễn Hoàng đã tâu xin vua Lê Thế Tông tướng thưởng đặc cách cho thuộc quan Lương Văn Chánh với những quân công trong việc đánh dẹp quân Mạc và hiển hách nhất là cuộc chinh phạt Champa tại Thành Hồ. Văn sắc đặc tiến do vua Lê ban cấp để ngày mồng 5 tháng chạp năm Quang Hưng thứ 19/Bính Thân (1596) (đã sang năm 1597 AD) được Nguyễn Hoàng sai sứ giả mang đi cùng lúc với bức mật lệnh đóng ấn “Tổng trấn tướng quân” để ngày mồng 6 tháng hai năm Quang Hưng thứ 20/Đinh Dậu/1597, tức cách nhau gần hai tháng, một quãng thời gian vừa đủ cho việc thu xếp tặng vật, người và phương tiện trong chuyến hành trình của sứ đoàn từ Đông Đô vào Thuận Quảng.

Đây là quyết định đúng lúc, hợp thời để nối dài cương vực lãnh thổ vốn dĩ chật hẹp kể miền duyên hải trong bối cảnh có những biến chuyển mới. Vì là một chủ trương cấp thiết nên những biện pháp tổ chức thực hiện phải chặt chẽ và mang tinh thần động viên, khích lệ cao. Rõ ràng, dù ở một nơi cách xa khu vực trấn trị, song nắm rất chắc diễn biến thực tế tại miền biên trấn nên mệnh lệnh của Nguyễn Hoàng tỏ ra hết sức sâu sát với từng địa danh cụ thể và đầy sự khoan lượng đối với dân tình. Ngay cả một viên quan mẫn cán được tin tưởng giao phó trọng trách cai quản hàng chục năm ở một mặt biên thùy của đất nước như Lương Văn Chánh, Tổng trấn Nguyễn Hoàng vẫn cẩn thận răn đe bằng pháp chế đã cho thấy tầm quan trọng của nhiệm vụ di dân đến một vùng đất khá phức tạp về mặt địa dư. Điều này càng khẳng định đường lối trị dân của vị chân chúa tương lai tại phương Nam này chính là khoan dãi sức dân hay “chính sự khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân” (21) như lời Sứ gia họ Lê hai thế kỷ

sau nhận xét trong công trình sử - địa đặc sắc *Phủ biên tạp lục* (1776) biên soạn ngay tại kinh thành Phú Xuân của họ Nguyễn.

Năm Canh Tý (1600), Nguyễn Hoàng vượt biển về lại Thuận Quảng, đốc thúc công cuộc khai thác các nguồn lợi sẵn có tại vùng biên viễn hoang hóa mà nay đang dần dần trở nên thuận thực, đông người.

Chủ trương di dân lập làng trên vùng đất có tính chất kỳ my (22) này là bước tiến gần để định danh các đơn vị hành chính, xác quyết về mặt chủ quyền lãnh thổ.

Thành lập phủ Phú Yên (1611)

Di dân lập làng thực chất là quá trình cộng cư giữa người Việt với dân bản địa, chủ yếu là người Chăm hoặc bèn rề với các cơ sở kinh tế không thể di dời hoặc tự nguyện ở lại gìn giữ cơ ngơi của tổ tiên. Không thể tránh khỏi mâu thuẫn về lợi ích nhiều mặt giữa các nhóm địa phương khác nhau. Với mưu toan tái chiếm vùng thung lũng hạ lưu sông Đà Diễn trừ phú, nhất là vị trí thụ đắc Thành Hồ trên cả ba phương diện: phòng thủ, tín ngưỡng và giao thương, nhà vua Po Nit (1603-1613) sau nhiều năm kế tục quyền lực từ Po Klong Halau (1579-1603), củng cố sức mạnh quân sự và tìm cách khơi sâu những mâu thuẫn xã hội tiềm tàng thành xung đột thực tế, đã mang binh lực vượt ranh giới Đại Lĩnh (Thạch Bi sơn) uy hiếp và đánh phá hệ thống dinh điền, thôn ấp mà dân binh Việt vừa mới kiến lập, kích động sự bất hợp tác của người Chăm cùng các tộc địa phương trong mối liên minh truyền thống Nagara Campa (23). Tổn thất về phía bị hại không phải nhỏ, cả dân sự lẫn quân chính, trong đó có thể người trực tiếp tổ chức và quản lý cuộc di dân lập làng theo mệnh lệnh của Nguyễn Hoàng cũng bị ngấm ngấm mưu sát hoặc tập kích giết chết công khai (24).

Một cuộc phản công quân sự đối với Champa để bảo vệ tính mạng lưu dân và thành tựu khẩn đất là điều chắc chắn. Tuy nhiên, những biện pháp khả thi lâu dài nhằm điều hòa mâu thuẫn nội bộ các bộ phận cư dân vùng biên như một vấn đề xã hội nhạy cảm nổi cộm cũng phải được tính đến. Linh hoạt và bản lĩnh trong kế sách dùng người, Nguyễn Hoàng đã tìm đến một nhân vật người Chăm trong hàng ngũ quan chức chính quyền hiểu biết sâu xa nguyện vọng của dân bản địa để thu phục, vỗ về. Văn Phong mà chính sử họ Nguyễn cho rằng “không rõ họ” (25) đáp ứng tiêu chí lựa chọn mới của Nguyễn Hoàng: vừa uy mãnh trong vai trò chinh phạt, vừa điều hòa được lợi ích giữa các nhóm cư dân hoặc tỏ ra sẵn sàng bênh vực người bản địa bị chèn ép. Kết quả của mối quan hệ hợp tác mới giữa giới quan chức với dân chúng địa phương là một hình thái chính quyền quá độ mang tính bán tự trị ra đời, hoàn toàn phù hợp trong bối cảnh xã hội ngoại vi tiềm ẩn nhiều tranh chấp phức tạp, đúng như những gì chính sử biên niên ghi chép: “Bấy giờ quân Chiêm Thành xâm lấn biên giới. Chúa sai chủ sự là Văn Phong (không rõ họ) đem quân đi đánh lấy được (đất ấy), bèn đặt làm một phủ, cho hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa lệ thuộc vào. Nhân sai Văn Phong làm lưu thủ đất ấy” (26). Sự kiện diễn ra vào năm Tân Hợi (1611), 14 năm kể từ khi lớp di dân người Việt đầu tiên chính thức đặt chân lên vùng đất mới cộng sinh cùng với cư dân bản địa mang bề dày lịch hàng nghìn năm. Không thể tìm thấy một kiểu quản chế trung gian về mặt hành chính nào khác uyển hợp hơn thể thức bán tự trị tại khu vực dân cư giáp biên luôn đối mặt với những thách thức đa chiều.

Thực ra, sách thuật dùng quan tướng Champa quản chế người Chăm và liên minh Chăm địa phương từng được triều Hồ

áp dụng từ năm Nhâm Ngọ (1402) sau khi chiếm đất Chiêm Động và Cổ Lũy, trong đó Cổ Lũy chia làm hai châu Tư, Nghĩa được đem giao cho hàng tướng Chế Ma Nô Đả Nan trấn trị nhằm "... để chiêu tập khuyến bảo những người thuộc về dòng giống Chiêm Thành. Việc này là có ý mưu đồ tiến lấy đất Chiêm [Champa]" (27). Dù vậy, khác với họ Hồ, đất Phú Yên tuy danh xưng mới đặt nhưng đã được Nguyễn Hoàng chinh phục hơn ba mươi năm trước và có hàng loạt cơ sở kinh tế - xã hội cắm rễ hơn chục năm lúc bấy giờ. Rõ ràng họ Nguyễn đã vận dụng kinh nghiệm lịch sử một cách thận trọng, khôn ngoan để đảm bảo thành công trong cuộc mở rộng lãnh thổ với hoàn cảnh đặc thù, cho dù không phải không gặp những trở lực vùng quây từ nhiều hướng.

Di ngôn cho người kế nhiệm (1613)

Nguyễn Hoàng đã không sống được lâu hơn để chứng kiến thành quả mang tầm ảnh hưởng lâu dài từ những chính sách cai trị trong thời đại chinh phục của mình, nhất là đối với vùng đất Phú Yên vừa mới khai sinh. Hai năm sau sự kiện kết tinh rõ rệt sự nghiệp kiến lập vương quyền, ngày mồng 3 tháng 6 năm Quý Sửu (1613) Nguyễn Hoàng mất trên giường bệnh. Nếu toàn bộ cuộc đời của Nguyễn Hoàng nổi tiếng với năng lực chính trị quyền biến và táo bạo, thì lúc kết thúc, lời căn dặn của ông đối với người kế nhiệm, cũng chính là vị hoàng tử/con trai Nguyễn Phúc Nguyên, càng tối trọng như một phương cách giữ nước và mở cõi, tức xứ Đàng Trong mà ông cất công tạo nên và dựng đặt: "Đất Thuận Quảng phía Bắc có núi Ngang [Hoành sơn] và sông Gianh [Linh giang] hiểm trở, phía Nam có núi Hải Vân và núi Đá Bia [Thạch Bi sơn] vững bền. Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Nếu biết dạy dân luyện binh để

chống chọi với họ Trịnh thì đủ xây dựng cơ nghiệp muôn đời. Ví bằng thế lực không địch được, thì cố giữ vững đất đai để chờ cơ hội, chứ đừng bỏ qua lời dặn của ta" (28).

Sinh thời, Nguyễn Hoàng từng một lần xuất ngôn biểu lộ mưu đồ ly khai chính quyền Lê - Trịnh một cách hòa bình nhằm xác lập vương quyền cát cứ: tuyên chỉ với Lê - Trịnh qua lời hoàng tử Nguyễn Phúc Hải tại Tây Kinh khi binh thuyền Đông Đô rượt đuổi cuộc vượt biển về Nam của ông năm Canh Tý (1600), rằng "Chúa về Thuận Hóa, chỉ nghĩ việc bảo vệ đất đai, thực không có ý gì khác" (29). Điều đó có nghĩa là Đàng Trong của họ Nguyễn chủ trương không xung đột với Đàng Ngoài, nếu bất đắc chí phải tiến hành chiến tranh cũng chỉ vì mục đích tự vệ, bởi như lời sử gia Lê Quý Đôn kiến giải: "Doan Quốc công trấn thủ hai xứ [Thuận Hóa và Quảng Nam] đến đây đã 40 năm rồi, đó là họ Nguyễn bắt đầu chuyên giữ đất ấy" (30). Di huấn lúc lâm chung của ông vẫn tinh táo và trung thành với tuyên chỉ 13 năm về trước: chỉ có một mặt cần phải giữ thế cân bằng vô điều kiện là mặt phía Bắc liền kề ranh giới Lê - Trịnh. Cả hai khả năng trái ngược mà ông xác định, chung cuộc chỉ đặt ra mỗi điều kiện bắt buộc là phòng giữ đất đai. Trong khi đó, các mặt còn lại không được nhắc nhớ cụ thể như là những gợi mở cho hành động tích cực vươn lên. Một chỉ dẫn địa lý bao quát định hình cho lãnh thổ xứ Đàng Trong gần hai thế kỷ tiếp theo chẳng?

Nguyễn Phúc Nguyên cũng như các chúa Nguyễn kế truyền đã thực hiện đúng như lời ủy thác của vị Tiên chúa. Từ năm 1627, khi Lê - Trịnh châm ngòi nổ cuộc chiến tranh kéo dài phân nửa thế kỷ XVII, binh dân xứ Đàng Trong phải gồng mình lên chống trả các cuộc tấn công mà lực lượng tổng hợp của đối phương khởi đầu mạnh gấp hơn mười lần (31). Tuy nhiên,

với những biện pháp năng động trong phát triển kinh tế, bên cạnh sở trường về nông nghiệp, xứ Đàng Trong còn tập trung khai thác tiềm năng lâm - ngư nghiệp dồi dào các nguồn hàng đặc sản có giá trị thương mại cao, sẵn giao thông đường biển và đường sông tiện lợi đã cuốn hút thương nhân nội địa lẫn ngoại quốc đến trao đổi, mua bán thường xuyên, liên tục. Có thể nói Nguyễn Hoàng là nhà cai trị phương Nam đầu tiên chế ngự được tư tưởng “Dĩ nông vi bản” (lấy nông làm gốc hay coi nông là trọng), nhìn thấy lợi thế kinh tế đặc thù rừng - biển của Phú Yên nói riêng, vùng Thuận Quảng nói chung và chỉ ra điểm nhấn để vượt lên từ đó. Trong lệnh chỉ di dân năm Đinh Dậu (1597) đến vùng đất mới mà về sau trở thành phủ Phú Yên, ông cũng đã hết sức lưu ý hai nguồn lợi đặc dụng này rằng “trên từ nguồn mọi dưới đến cửa biển...” (32). Nay dù lúc lâm chung, nhà kiến thiết vương quyền xứ Đàng Trong vẫn không nguôi kỳ vọng: “Núi sẵn vàng sắt, biển có cá muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng” (33). Phú Yên đã thực sự trở thành nơi nung nấu nhiệt huyết và thực thi hành động của các bậc tiền nhân chí khí, anh hùng.

Tích lũy về kinh tế thúc đẩy sự tân trang cho quân đội. Vũ khí và kỹ thuật chiến tranh Tây phương nhập cuộc đã nhanh chóng làm thay đổi cán cân thực lực trên chiến trường. Sức mạnh phòng thủ trước sự tấn công của phía Bắc và việc cơ động mang quân chinh phạt ở phía Nam đều tăng tiến vượt bậc. Bởi thế, khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn ngã ngũ vào năm Nhâm Tý (1672), Đàng Trong không chỉ đứng vững mà còn dõng dạc ranh giới phía Nam đến sông Phan Rang đồng thời thâm nhập sâu vào nội vùng Thủy Chân Lạp.

Như vậy, không chỉ dành riêng cho vị chúa kế nhiệm Nguyễn Phúc Nguyên, lời

huấn nghiệp của Tiên chúa Nguyễn Hoàng trở thành phương châm giữ đất và mở cõi của các đời chúa Nguyễn, để cuối cùng xứ Đàng Trong đã có một tầm vóc lãnh thổ sáng rõ như ngày nay ngay từ năm 1758 thời chúa thứ tám Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, trước khi những phần rời của quốc gia Đại Việt được ghép thành đồ bản vương quốc Việt Nam hoàn chỉnh vào năm 1802 bởi hoàng đế Gia Long, vốn là hậu duệ của chín đời chúa Nguyễn. Có thể nói, những điều kiện lịch sử đặc biệt ở thế kỷ XVI-XVII đã tạo nên một Nguyễn Hoàng xuất sắc với tầm nhìn theo kịp các trào lưu thời đại.

3. Nhận xét

Không kể những đóng góp đối với triều đình trung ương Lê - Trịnh phía Bắc trong việc chấm dứt cục diện phân tranh với các thế lực họ Mạc hoặc nhân danh Mạc có sự hậu thuẫn của nhà Minh, thúc đẩy tiến trình thống nhất và nối lại cuộc bang giao với Minh triều, riêng công trạng chinh phục Champa, giữ yên đồng thời mở mang biên thổ phương Nam, đem lại cuộc sống an cư lạc nghiệp cho một bộ phận nhân dân chiếm phân nửa đất nước vùng Thuận Quảng của Nguyễn Hoàng đã xứng đáng vinh danh ông là vị anh hùng dân tộc, một trong những nhà cai trị vượt lên trên khuôn thức đương thời, chủ trương khai mở và đã mở ra thời đại hội nhập với thế giới ngoài Trung Hoa trong lịch sử hậu trung đại Việt Nam.

Đến nay, cho dù cuộc bàn thảo khoa học ở tầm quốc gia về những vấn đề chúa Nguyễn và triều Nguyễn đã được tiến hành, trong đó có sự khẳng định vai trò tích cực mang tính tiên quyết của Nguyễn Hoàng. Tuy nhiên, cùng thời với Nguyễn Hoàng, một đồng sự trấn thủ đất Quảng Nam là Bùi Tá Hán được người Kinh, người Thượng khắp nơi ngưỡng vọng; quan tướng

dưới quyền ông sai khiến, một Trần Đức Hòa nổi tiếng thân dân, nhân nghĩa; một Lương Văn Chánh lừng lẫy với quân công chinh phạt Champa và công lao di dân lập ấp. Tại tỉnh Phú Yên ngày nay, Lương Văn Chánh được chính quyền chỉnh trang quy mô đền mô và tổ chức lễ dâng hương cúng tế, cả lễ báo công trang trọng của các cấp ngành, đoàn thể hàng năm, được tổ chức hội thảo khoa học lớn, được đặt tên cho đường phố, trường chuyên cấp III, II... Đó là sự ghi ơn hoàn toàn đích đáng và cần thiết. Trong khi Nguyễn Hoàng với cương vị Tổng trấn vùng Thuận Quảng, người quyết định những vấn đề liên quan trực tiếp đến Phú Yên, từ chủ trương chinh phạt Thành Hồ, phát công lệnh di dân khẩn đất lập làng cho đến sự kiện lập thành phủ mới với tên gọi Phú Yên, tổ chức một hình thái chính quyền mang tính bán tự trị phù hợp với bối cảnh xã hội đương thời và phòng thủ vững chắc cương giới, đặt nền tảng thực tế lẫn lý thuyết cho công cuộc mở đất từ đầu cầu phía

Nam... thì lại chưa nhận được mấy quan tâm từ phía chính quyền cùng các nhà biên khảo sử địa phương.

Chắc chắn Nguyễn Hoàng là một đấng quân vương tiên phong trên nhiều lĩnh vực. Những gì ông làm cho Quảng Trị hay Quảng Nam lúc sinh thời thì đã được các địa phương này tôn vinh ghi nhận, bởi một thủ phủ Ái Tử - Trà Bát hay một quốc cảng Hội An. Đối với vùng đất biên viễn Phú Yên, Nguyễn Hoàng đã xác lập một đầu cầu khởi đầu cho trào lưu lịch sử mới xuôi về tận cùng phương Nam xa xôi, chạm vào bờ vịnh Xiêm La dọc rìa phía Tây miền Đông Hải. Với ý nghĩa bao quát tầm nhìn chiến lược phi thường đó, không chỉ Phú Yên mà toàn bộ phần còn lại của phân ranh Cochinchina hay vương quốc Đàng Trong đều mang bóng dáng vị anh hùng chinh phạt và mở cõi vĩ đại là ông. Chính vậy, Nguyễn Hoàng là một phần tất yếu của lịch sử dân tộc Việt Nam.

CHÚ THÍCH

(1). Sử Nguyễn đều cho rằng Nguyễn Hoàng bị anh rể là Trịnh Kiểm bức hại nên mới nhờ đến chị ruột Ngọc Bảo, cũng là vợ Trịnh Kiểm, xin Kiểm nói giúp với vua Lê cho vào trấn quản Thuận Hóa, vừa tránh nạn vừa tích lũy cát cứ chống lại họ Trịnh.

(2), (3). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1978, tr. 306.

(4), (14). Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 147, 316.

(5), (21), (30). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 62, 63.

(6), (7). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1978, tr. 375, 376.

(8), (9), (10), (13), (26), (28), (29), (31), (33). Quốc Sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, tập I, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1962, tr. 31, 32, 33, 41, 43-44, 56.

(11), (12). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 158, 201-202.

(15). Nhà du hành Bồ Đào Nha Antonio de Faria đã có những dòng ghi chép kỳ lạ rằng "Sau khi đi qua đảo Pulo Campello [Cù Lao Chàm], một hòn đảo nằm ở 14°20', họ đã tới đảo Pulo Capas, nơi một đoàn thuyền gồm 40 chiếc thuyền mảnh lớn, mỗi chiếc hai hoặc ba tầng sàn đã được nhìn thấy ở con sông Borralho (Varella trên các hải đồ); Faria đã cử người đi khám phá đảo đó. Và sau đó là một đoàn thuyền khác, hình như có đến 2.000 thuyền lớn nhỏ, và một thành phố có tường bao với khoảng chục nghìn nóc nhà".

John Barrow dựa vào đoạn mô tả mà dẫn giải rằng Faifo là vị trí muốn nói. Bác sĩ Sallet dựa vào hồi ức của Jackson, đi đến một kết luận khác: Trà Kiệu là thành phố có thành xây mà Faria đã thấy

vào năm 1537. Thực tế, Faifo lẫn cả Tourane không phải là những thành phố có tường bao, còn Trà Kiệu thì đã trở thành phế tích từ những thời kỳ xa xưa. Trong khi đó Thành Hồ ở Phú Yên được biết đến là tòa thành Champa xây bằng gạch như gạch xây các tháp cổ, hình thang, chân rộng khoảng 30 thước (mét), trên mặt rộng từ 10 đến 15 thước, cao khoảng 6, 7 thước. Mặt khác, cách phát âm địa danh Boralho tỏ ra trùng khớp với tên gọi sông Ba thuộc vùng đất Phú Yên: Boralho = Baran = Bà Rắn/Đà Rắn tức con sông Đà Rằng nay mà lúc này cửa sông tiếp giáp biển ngay tại chân Thành Hồ về phía Đông.

Như vậy, Thành Hồ có thể chính là hải cảng thương mại đang nói.

(16). Sách *Liệt truyện* chép rằng Lương Văn Chánh lúc trước làm quan nhà Lê, theo vào Nam cùng lúc Nguyễn Hoàng nhậm chức Tổng trấn Thuận Hóa năm Mậu Ngọ/1558. Trong khi đó, sắc phong quân công cho Lương Văn Chánh vào năm Bính Thân/1596 lại chép: “Lương Văn Chánh từng được Đô tướng thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng phái đi đánh giặc nhiều phen có công, triều thần bàn nên thăng chức...”. Trước năm Canh Ngọ/1570 quân quyền nhà Lê do Trịnh Kiểm điều hành. Từ năm này trở đi Trịnh Tùng mới thay quyền nhiếp chính, và từ năm Quý Dậu/1573 Trịnh Tùng được vua Lê phong làm đô tướng. Do vậy, quân công mà viên tỳ tướng họ Lương lập được do đô tướng Trịnh Tùng sai khiến chỉ có thể diễn ra trong quãng những năm từ Quý Dậu/1573 đến Mậu Dần/1578, năm lập quân công chinh phạt Thành Hồ. Đến đây có thể đưa ra giả định tương đối phù hợp về niên đại rằng Lương Văn Chánh được đô tướng Trịnh Tùng cất cử vào Thuận Quảng trợ chiến cho Nguyễn Hoàng tại mặt trận Thành Hồ đúng lúc diễn ra trận đánh lưng lầy này.

(17). Quốc Sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam liệt truyện*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 89.

(18). Lương Ninh: *Vương quốc Champa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006, tr. 211.

(19). Kết quả cuộc khai quật khảo cổ học tại di tích Thành Hồ năm 2008-2009 đưa ra mốc niên

đại mới là 230 AD, gắn sát với niên đại lập quốc của Nhà nước Lâm Ấp cuối thế kỷ II (năm 192). Từ đó có thể giả định rằng Thành Hồ là thủ phủ của nhà nước sơ khai Hồ Tôn trong dã sử và tiếp tục là thủ phủ của vương quốc Lâm Ấp vào lúc khởi thủy, đã không ngừng mở rộng lãnh thổ lên phía Bắc trong những thế kỷ tiếp sau.

(20). (32). Trần Việt Ngạc: *Về một công văn của Tổng trấn Thuận Quảng Nguyễn Hoàng năm 1597*, Tạp chí *Xưa và nay*, số 72B, (2000), tr. 13.

(22). Vùng đất trái độn, chưa thuộc hẳn bên nào về phương diện chủ quyền.

(23). Nagara Campa là thuật ngữ người Chăm đặt tên cho vương quốc của họ, mang tính chất độc đáo duy nhất trong lục địa Đông Nam Á, là “... một nước đa dân tộc trong đó mọi nhóm dân tộc đều có các quyền bình đẳng” (Bernard Gay).

(24). Dã sử đề cập Lương Văn Chánh như một viên quan khôn ngoan, hoạt biến và nhiều phép thuật, được gán cho tục danh Lương Phù Giã với ý nghĩa thường dùng phù phép để chữa bệnh hay trừ tà trong dân gian, hoặc giành phần thắng bằng mưu chước không công minh trong việc thi thố dựng tháp rồi đốt tháp đối với người Chăm. Có thể các sắc dân địa phương đã cảm giận ông và lợi dụng tình hình bất ổn ra tay sát hại. Tương truyền Lương Văn Chánh bị tử thương trên lưng ngựa, đầu rơi dọc đường, mình được đưa về núi Cấm mai táng. Tại chân núi Chóp Chài chéch về phía Bắc trước đây có ngôi miếu thờ đầu, gọi là Thần Đầu Miếu, có lẽ là một trong những chứng cứ của sự kiện.

(25). Văn Phong có thể đã là tên gọi đầy đủ của viên quan dòng dõi quý tộc gốc Chăm sống lâu đời trên đất Thuận Quảng, bởi người Chăm trước khi Việt hoá không có họ mà chỉ có từ Ja hoặc Mư/Mung đặt cạnh tên để phân biệt giới tính nam hay nữ, tương tự như Văn hay Thị ở người Việt. Ja Phong hẳn là tên tộc của Văn Phong. thậm chí về sau tính ngữ Văn này còn được chọn làm họ chính thức cho người Chăm.

(27). Quốc Sử quán triều Nguyễn: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 713.